

Bản án số: 47/2018/HNGĐ-ST
Ngày 17/5/2018
V/v: Không công nhận vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Toan

Các hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Hữu Thái

2/ Ông Nguyễn Tiến Chính

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Kim Thùy- Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện VKSND huyện L không tham gia phiên tòa.

Ngày 17/5/2018 tại trụ sở toà án nhân dân huyện L tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 150/2018/TLST- HNGĐ ngày 13/4/2018 về “Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2018/QĐXX- ST ngày 03/5/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Văn L1 sinh năm 1964 (có mặt)

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T sinh năm 1968 (vắng mặt)

Đều địa chỉ: Thôn T1, xã T2, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện không công nhận vợ chồng ghi ngày 30/3/2018, các bản tự khai ông Trần Văn L1 là nguyên đơn trình bày: Ông kết hôn với bà T năm 1988. Trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Cưới xong ông và bà T về chung sống với nhau ngay. Ông và bà T sống hòa thuận được một thời gian thì đến năm 2007 ông và bà T phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong phát triển kinh tế gia đình dẫn đến nhiều lúc ông và bà T xảy ra xô xát, không bảo được nhau, việc của ai người đó làm. Ông và bà T cũng chấm dứt mọi quan hệ tình cảm với nhau từ đó. Nay xét thấy tình cảm giữa ông và bà T không còn ông đề nghị Tòa án không công nhận ông và bà T là vợ chồng.

Về con chung, tài sản, công nợ, ruộng canh tác: Ông không đề nghị tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay ông vẫn giữ nguyên yêu cầu trên.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị T xác nhận toàn bộ lời khai của ông L1 là đúng. Quá trình chung sống bà và ông L1 thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nhất là về tình cảm giữa bà và ông L1 và không quan tâm gì đến nhau nhiều năm nay, bà và ông L1 cũng chấm dứt mọi quan hệ từ khi xảy ra mâu thuẫn cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm giữa bà và ông L1 không xây dựng được hạnh phúc với nhau, ông L1 đề nghị Tòa án không công nhận giữa bà và ông L1 là vợ chồng, bà hoàn toàn nhất trí.

Về con chung, tài sản, công nợ, ruộng canh tác: Bà không đề nghị tòa án giải quyết.

Do công việc bận bà xin được vắng mặt tại các phiên họp công khai chứng cứ, phiên hòa giải, phiên tòa xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận thấy:

[1] *Về tố tụng:* Ông L1 và bà T đều nhận được các quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng do công việc bận bà T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án. Căn cứ vào Điều 228 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về nội dung vụ án:*

Ông Trần Văn L1 và bà Nguyễn Thị T về chung sống với nhau từ năm 1988. Trước khi về chung sống hai bên được tự do tìm hiểu nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Mặc dù có con chung nhưng tình cảm giữa ông L1 và bà T vẫn không xây dựng hạnh phúc được với nhau. Từ năm 2007 giữa ông L1 và bà T luôn xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong phát triển kinh tế gia đình, dẫn đến hai bên thường xuyên xảy ra xô xát, từ đó ông L1 và bà T không quan tâm gì đến nhau, việc của ai người đó làm, sống lạnh nhạt không có hạnh phúc, ông L1 và bà T chấm dứt mọi quan hệ tình cảm với nhau từ khi xảy ra mâu thuẫn cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm không còn, ông L1 đề nghị Tòa án tuyên bố ông và bà T không là vợ chồng, bà T hoàn toàn nhất trí. Điều đó chứng tỏ tình cảm giữa ông L1 và bà T không còn nên tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa ông L1 và bà T. Xét như vậy là phù hợp với Điều 14; 15; 53 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung, tài sản, công nợ, ruộng canh tác:* Ông L1 và bà T không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] *Về án phí:* Ông L1 phải chịu 300.000đ án phí ly hôn.

[5] *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 14; 15; 53 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28; Điều 147; Điều 228; Điều 271; Điều 273 BLTTDS; nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Trần Văn L1 và bà Nguyễn Thị T là vợ chồng.

2/ Án phí: Ông Trần Văn L1 phải chịu 300.000đ án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ ông đã nộp tiền tạm ứng án phí ly hôn theo biên lai thu số AA/2017/0003126 ngày 13/4/2018 tại chi cục thi hành án huyện L. Ông L1 đã nộp đủ tiền án phí.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kết quả bản án.

Án xử công khai sơ thẩm./

Nơi nhận :

- TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh, huyện L;
- Chi cục T.H.A. dân sự huyện L;
- Ủy ban nhân dân xã T2;
- Người tham gia tố tụng.
- Lưu hồ sơ . VP./.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Toàn

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận :

- *TAND Tỉnh*
- *VKSND Tỉnh , Huyện .*
- *Chi cục T.H.A. dân sự huyện*
- *Ngài tham gia tố tụng.*
- *Lưu hồ sơ . VP./.*

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa

Hoàng Văn Toàn